

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ AREGA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ AREGA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AREGA TECHNOLOGY TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AREGA TECHNOLOGY TRADING INVESTMENT .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108810112

3. Ngày thành lập: 05/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 99 Võ Chí Công, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư liên quan đến xử lý nước, lọc nước. - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
2.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
3.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
4.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: - Xử lý nước thải, bùn thải; - Duy tu và bảo dưỡng các công trình xử lý nước thải, bùn thải.	3700
5.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy lọc nước.	2829
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: - Lắp đặt máy lọc nước; - Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.	3320
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động thăm dò, khảo sát nguồn nước.	7110

9.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn, thi công, cung cấp các giải pháp về công nghệ nước Hydrogen.	7490
10.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
12.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
13.	Dịch vụ đóng gói	8292
14.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
15.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
16.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
17.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
18.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
19.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
20.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
21.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
22.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
23.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
24.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
25.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
26.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
27.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
28.	Sản xuất máy luyện kim	2823
29.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
31.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
32.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
33.	Bán mô tô, xe máy	4541
34.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
35.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

36.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Bán lẻ ô tô con, loại 9 chỗ ngồi trở xuống không kể người lái, loại mới và loại đã qua sử dụng	4512
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi; - Bán buôn phần mềm.	4651
38.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (trừ hoạt động ủy thác, giám sát đầu tư tài chính, chứng khoán).	6619
39.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
40.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Cơ sở lưu trú khác	5590
45.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
49.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
50.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
51.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động điều hành bến xe; - Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ - Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ	5225
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
56.	Bán buôn đồ uống	4633

57.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
58.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	7830
61.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
62.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
63.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
64.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại; Dạy máy vi tính; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;	8559
65.	Phá dỡ	4311
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
67.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
68.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà	4390
69.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ loại mới và loại đã qua sử dụng (không bao gồm đấu giá)	4511
70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đấu giá)	4530
71.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
72.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Không bao gồm thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện)	4652
73.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)	7410
74.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
75.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

76.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
77.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
78.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
80.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
81.	Đào tạo cao đẳng	8533
82.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ ô tô và xe có động cơ;	4513
83.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
84.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
85.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
86.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
87.	Điều hành tua du lịch chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
88.	Quảng cáo	7310
89.	In ấn	1811
90.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động nhà nước cấm)	2029
91.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
92.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
93.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
94.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
95.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
96.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động nhà nước cấm)	4520
97.	Xây dựng nhà để ở	4101
98.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
99.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	8699
100.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	9610
101.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	8710

102.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
103.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
104.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	2599
105.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
106.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
107.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
108.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
109.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
110.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28, Luật Thương mại 2005).	8299(Chính)

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ ĐÌNH ĐĂNG	Số 15 Ngách 93/3 Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	001076024055	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000		

2	HÀ VĂN DUY	Số 54 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	50,000	001070004682
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	50,000	
3	DƯƠNG THỊ HỒNG YẾN	Số 21 Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	20,000	001178004026
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ VĂN DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/05/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001070004682

Ngày cấp: 31/07/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 54 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 54 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội